TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 10 - 2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền
Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh – Thư ký tòa án nhân dân thành phố C.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 691/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/8/2019, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 738/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị **Lê Băng T**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Số 14/16/18 đường Phan Ngọc Hiển, khóm 2, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Anh **Phạm Thanh P**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 87, xã Hòa Thành, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Chị Lê Băng T trình bày*: Chị và anh P kết hôn từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố C. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P thường xuyên cờ bạc, đá gà không lo cho vợ con. Anh P đã nhiều lần hứa sửa đổi nhưng rồi cũng không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh P có một người con chung là Phạm Lê Minh K, sinh ngày 19/11/2015. Con chung sống cùng với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có; Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phạm Thanh P đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, các thủ tục tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào lúc 13 giờ 30 phút, ngày 27/9/2019 và lúc 13 giờ 30 phút ngày 09/10/2019 nhưng anh Phạm Thanh P vẫn vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Về phần hôn nhân: Chị T và anh P kết hôn từ năm 20 15 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố C đúng theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do có phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng nên chị T và anh P không còn sống chung nhà một thời gian. Chị T xác định mâu thuẫn của chị T và anh P phát sinh ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh P. Riêng anh P không có văn bản hay ý kiến gì thể hiện quan điểm của anh P trước yêu cầu của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh P đã mâu thuẫn là thực tế và anh chị đã không sống chung nhà. Xét thấy hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn kéo dài, cả chị T và anh P đều không có hướng khắc phục, Tòa án đã tạo điều kiện để anh chị hòa giải đoàn tụ nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng của anh chị. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh P có một người con chung là Phạm Lê Minh K, sinh ngày 19/11/2015. Con chung sống cùng với chị T, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh P không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Xét yêu cầu xin nuôi con của chị T thấy rằng, con chung của anh chị còn rất nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ và hiện tại con chung cũng đang sống chung với mẹ nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc trực tiếp nuôi con chung là phù hợp. Chị T yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng nhưng anh P không có ý kiến gì. Xét thấy chị T trực tiếp nuôi con nên anh P là người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định là phù hợp nhưng mức cấp dưỡng chị T yêu cầu là cao hơn ½ tháng lương cơ sở nên cần điều chỉnh lại mức cấp dưỡng số tiền là 750.000 đồng là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị T xác định không có;

[4] Về nợ chung: Chị T xác định không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Băng T.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Băng T về việc xin ly hôn anh Phạm Thanh P.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Lê Minh K, sinh ngày 19/11/2015 (hiện đang sống với chị T) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Phạm Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Lê Minh Khôi là 750.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi xét xử sơ thẩm (ngày 09/10/2019) đến khi cháu Khôi tròn 18 tuổi.

Anh Phạm Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Lê Băng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Thanh P không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị Lê Băng T phải nộp, ngày 12/8/2019, chị T có nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0000580 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh Phạm Thanh P phải nộp (chưa nộp) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Các trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ được giao nhận hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- UBND phường 5, Tp. C;
- Chi cục THADS Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đã Ký

Đinh Cẩm Đào